

Số: 1005A/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thí sinh trúng tuyển cao đẳng hệ chính quy năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2015 của Trường;

Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhập học năm học 2015 – 2016;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo – Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quyết định thí sinh trúng tuyển nhập học cao đẳng, hệ chính quy năm 2015 đợt 1 gồm: 144 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển được nhập học bậc cao đẳng, hệ chính quy của nhà trường kể từ năm học 2015 - 2016, theo đúng quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các thí sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD-ĐT;
- Lưu: VT, Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP
TUYỂN SINH NĂM 2015 - ĐỢT 1**

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
1	15.00363	Nguyễn Phước Ái	Nam	14/02/1996	C510301	10.00	2.00		6.20
2	15.00374	Đoàn Như Ái	Nữ	08/07/1996	C540204	10.00	3.00		5.80
3	15.00376	Phạm Đức An	Nam	05/09/1996	C510201	14.00	3.00		7.30
4	15.00406	Phạm Nguyễn Thái An	Nam	12/07/1996	C510206	20.00	2.00		5.90
5	15.00477	Trần Hoàng An	Nam	27/09/1994	C510206	11.00	3.00		7.60
6	15.00415	Trần Thị Hồng Ân	Nữ	24/05/1993	C480201	14.00	3.00		5.50
7	15.00396	Nguyễn Trung Anh	Nam	02/01/1993	C510201	8.00	3.00		5.90
8	15.00452	Lê Duy Anh	Nam	18/02/1996	C510205	8.00	2NT		7.40
9	15.00368	Trần Gia Bảo	Nam	07/02/1996	C480201	19.00	3.00		6.60
10	15.00503	Nguyễn Thế Bảo	Nam	30/7/1996	C510205	12.00	2NT		7.00
11	15.00461	Trần Bá Bình	Nam	27/08/1997	C510301	3.00	2NT		6.80
12	15.00378	Phạm Đức Bình	Nam	09/12/1993	C510301	14.00	3.00		6.20
13	15.00042	Trần Hữu Cảnh	Nam	05/01/1997	C510205	13.00	1.00	1.00	6.50
14	15.00366	Nguyễn Ngọc Cảnh	Nam	11/02/1996	C510205	5.00	2.00		7.30
15	15.00394	Võ Minh Chiến	Nam	07/09/1996	C510201	21.00	2.00		5.60
16	15.004	Phạm Duy Công	Nam	04/05/1996	C510301	5.00	2NT		6.10
17	15.00417	Trần Thị Ngọc Cúc	Nữ	15/03/1995	C540204	10.00	1.00		6.50
18	15.00402	Đinh Văn Cương	Nam	23/04/1995	C510206	3.00	3.00		5.50
19	15.00346	Nguyễn Quốc Cường	Nam	29/08/1997	C510205	8.00	2NT		7.80
20	15.00382	Võ Trường Danh	Nam	06/05/1992	C510301	2.00	2.00		6.20
21	15.00388	Kiều Tấn Dành	Nam	26/06/1996	C510301	9.00	3.00		6.20
22	15.00031	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	23/06/2015	C480201	10.00	1.00		5.80
23	15.00349	Nguyễn Văn Đạt	Nam	08/12/1993	C480201	9.00	2NT		7.10
24	15.00431	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	23/06/1996	C480201	10.00	2NT		5.80
25	15.00433	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	17/02/1996	C510201	3.00	1.00		6.90
26	15.0057	Phạm Lâm Điền	Nam	14/08/1997	C510205	4.00	2.00		6.60
27	15.00455	Đinh Văn Đức	Nam	26/06/1995	C480201	9.00	2NT		5.50
28	15.00526	Lý Nguyễn Đức	Nam	17/12/1997	C510301	6.00	2NT		7.00
29	15.00421	Đặng Thị Phương Dung	Nữ	01/07/1996	C480201	5.00	2NT		6.80
30	15.00019	Huỳnh Thanh Dương	Nam	12/11/1995	C510205	1.00	2.00		5.50
31	15.00491	Võ Minh Dương	Nam	27/04/1997	C510301	6.00	2NT		7.60
32	15.00405	Hồ Nguyễn Bảo Duy	Nam	28/03/1996	C480201	2.00	1.00		6.30
33	15.00435	Đặng Lê Minh Duy	Nam	18/10/1996	C510205	12.00	3.00		7.10
34	15.00437	Diệp Vũ Duy	Nam	09/07/1992	C510201	14.00	3.00		6.90
35	15.00423	Trần Đình Hà	Nam	03/10/1996	C510301	6.00	2NT		5.90

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm TBCN
36	15.00309	Vũ Ngọc Hà	Nam	11/12/1995	C480201	1.00	1.00		5.50
37	15.00392	Phạm Văn Hải	Nam	22/01/1993	C510301	22.00	2.00		5.70
38	15.00482	Lại Thanh Hằng	Nữ	20/01/1997	C220201	5.00	2.00		6.10
39	15.00021	Trần Phúc Hậu	Nam	22/9/1996	C510205	7.00	1.00	1.00	6.30
40	15.00472	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	21/01/1997	C510301	19.00	3.00		6.70
41	15.00424	Nguyễn Văn Hiến	Nam	20/04/1995	C480201	5.00	3.00		6.60
42	15.00595	Võ Thị Minh Hiền	Nữ	17/09/1995	C540204	1.00	1.00		5.50
43	15.00416	Đinh Đăng Hiếu	Nam	23/04/1993	C510206	3.00	2NT		6.20
44	15.0049	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	17/09/1997	C510301	6.00	2NT		7.50
45	15.00403	Tổng Khải Hoàn	Nam	02/09/1995	C510206	21.00	3.00		6.10
46	15.00361	Nguyễn Duy Hoàng	Nam	03/03/1991	C510201	1.00	2.00		6.80
47	15.00524	Nguyễn Thái Học	Nam	29/06/1996	C510201	6.00	2NT		6.20
48	15.00106	Phan Thị Nguyệt Hồng	Nữ	18/10/1997	C540204	11.00	2.00	2.00	6.60
49	15.00476	Phan Việt Hùng	Nam	12/10/1994	C510201	2.00	1.00		6.50
50	15.00499	Nguyễn Phi Hùng	Nam	13/11/1996	C510205	3.00	1.00		6.30
51	15.00467	Dương Văn Hưng	Nam	27/07/1995	C510205	1.00	1.00		6.50
52	15.00364	Bùi Thị Hường	Nữ	14/06/1996	C540204	7.00	1.00		6.00
53	15.00111	Vũ Đức Huy	Nam	29/01/1997	C480201	11.00	3.00		7.80
54	15.00451	Trần Phạm Minh Huy	Nam	08/12/1997	C480201	11.00	3.00		6.60
55	15.00411	Phạm Bá Khánh	Nam	07/01/1996	C510205	23.00	2NT		7.00
56	15.00399	Trần Đăng Khoa	Nam	03/02/1994	C510201	20.00	2.00		5.50
57	15.0001	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	22/12/1995	C480201	1.00	3.00		7.40
58	15.00448	Trần Tuấn Kiệt	Nam	13/10/1997	C480201	11.00	3.00		7.20
59	15.00429	Lê Văn Lai	Nam	10/02/1996	C510205	3.00	2NT		5.90
60	15.00104	Nguyễn Khắc Lâm	Nam	01/04/1996	C510301	13.00	3.00		6.30
61	15.00571	Huỳnh Kim Lâm	Nam	16/10/1996	C510205	4.00	3.00		7.10
62	15.00414	Trần Thị Kim Lang	Nữ	24/02/1996	C540204	10.00	2.00		5.80
63	15.00023	Đỗ Dương Nhật Linh	Nam	28/03/1997	C220201	3.00	1.00		7.30
64	15.00041	Lý Chí Linh	Nam	10/10/1995	C480201	7.00	2NT		7.80
65	15.00017	Nguyễn Quốc Linh	Nam	22/11/1996	C510201	4.00	1.00		6.50
66	15.00314	Nguyễn Hoàng Phi Long	Nam	31/12/1997	C540204	7.00	3.00		7.00
67	15.00568	Đinh Hoàng Long	Nam	05/06/1997	C510205	8.00	2.00		7.00
68	15.00344	Nguyễn Duy Luân	Nam	11/12/1997	C510205	8.00	2NT		7.50
69	15.0004	Trương Thị Ngọc Ly	Nữ	21/12/1996	C540204	1.00	1.00	1.00	6.80
70	15.00027	Võ Minh Mẫn	Nam	00/00/1996	C480201	7.00	2NT		8.60
71	15.00012	Nguyễn Văn Minh	Nam	10/06/1997	C510301	5.00	1.00		5.50
72	15.00397	Huỳnh Văn Minh	Nam	12/05/1994	C480201	2.00	2.00		6.60
73	15.00401	Nguyễn A Mốt	Nam	25/08/1993	C510301	7.00	2NT		5.90
74	15.00375	Châu Trọng Nghĩa	Nam	11/10/1996	C480201	19.00	3.00		6.90
75	15.00337	Nguyễn Văn Nhân	Nam	20/04/1995	C480201	5.00	2NT		6.60

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
76	15.00391	Trịnh Từ Nhân	Nam	16/04/1996	C510205	13.00	3.00		6.80
77	15.0037	Trần Minh Nhật	Nam	28/12/1984	C510205	10.00	3.00		6.10
78	15.00384	Lê Thị Mộng Nhi	Nữ	09/12/1995	C540204	3.00	2.00		6.60
79	15.00007	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	Nữ	25/9/1987	C540204	3.00	3.00		7.10
80	15.00377	Đạo Ri Nô	Nam	12/04/1996	C540204	2.00	2.00	1.00	5.60
81	15.00356	Phan Văn Nương	Nam	12/04/1995	C510301	8.00	2NT		7.00
82	15.00449	Chế Long Phát	Nam	02/09/1997	C480201	11.00	3.00		7.00
83	15.00385	Giang Gia Phú	Nam	10/12/1994	C510206	17.00	3.00		7.10
84	15.00486	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	22/09/1997	C540204	9.00	1.00		7.40
85	15.00393	Nguyễn Hữu Phước	Nam	17/06/1995	C510205	21.00	2.00		6.60
86	15.00581	Nguyễn Đức Phước	Nam	23/09/1996	C510301	1.00	1.00		5.80
87	15.00398	Lê Đình Quân	Nam	06/08/1995	C510205	17.00	2.00	3.00	6.80
88	15.00022	Hà Thanh Sang	Nam	17/08/1997	C480201	5.00	1.00		5.90
89	15.00427	Nguyễn Văn Sang	Nam	25/09/1996	C510301	7.00	2NT		5.90
90	15.00369	Dương Thị Sen	Nữ	26/12/1996	C540204	5.00	2.00		6.70
91	15.006	Đồng Văn Sĩ	Nam	15/09/1995	C480201	3.00	2NT		7.00
92	15.00373	Hà Việt Sơn	Nam	18/10/1995	C510205	1.00	3.00		7.00
93	15.00418	Nguyễn Nam Sơn	Nam	01/09/1995	C480201	14.00	2.00		6.50
94	15.00425	Dương Thanh Sơn	Nam	10/12/1994	C510205	17.00	3.00		5.50
95	15.00587	Đặng Hải Sơn	Nam	12/11/1995	C510205	21.00	1.00		6.50
96	15.0041	Nguyễn Quốc Tài	Nam	28/10/1995	C510206	7.00	3.00		6.60
97	15.00422	Nguyễn Tấn Tài	Nam	12/05/1992	C510206	3.00	2NT		5.50
98	15.0042	Tạ Công Tài	Nam	18/12/1994	C510201	6.00	3.00		5.50
99	15.00338	Võ Thành Tài	Nam	01/04/1995	C540204	4.00	2NT	1.00	7.30
100	15.00473	Trần Chí Tài	Nam	20/05/1994	C510206	17.00	3.00		5.50
101	15.00507	Nguyễn Phan Nhật Tài	Nam	04/08/1997	C480201	5.00	2NT		6.80
102	15.00108	Lý Hoàng Tâm	Nam	21/10/1997	C510301	8.00	2NT		5.50
103	15.00358	Huỳnh Thị Thanh Tâm	Nữ	07/12/1996	C540204	5.00	2NT		7.40
104	15.00522	Huỳnh Thị Thanh Tâm	Nữ	07/12/1996	C510201	5.00	2NT		7.40
105	15.00353	Đoàn Duy Tân	Nam	30/12/1995	C510205	11.00	3.00		5.50
106	15.00521	Nguyễn Hữu Tân	Nam	05/03/1997	C510301	6.00	2.00		6.80
107	15.00474	Nguyễn Minh Tấn	Nam	07/08/1993	C510206	1.00	3.00		5.50
108	15.00436	Võ Xuân Tha	Nam	06/07/1993	C510301	5.00	2NT		6.70
109	15.00468	Phạm Ngọc Thạch	Nam	27/03/1997	C510205	1.00	1.00		7.10
110	15.00367	Vũ Hồng Thái	Nam	02/10/1995	C510205	21.00	2.00		5.70
111	15.00471	Nguyễn Quốc Thái	Nam	29/01/1997	C510205	7.00	2NT		7.50
112	15.0038	Vũ A Thầm	Nam	30/06/1996	C510301	10.00	3.00		6.80
113	15.0039	Đặng Quốc Thanh	Nam	26/10/1995	C510205	13.00	3.00		6.70
114	15.00039	Đỗ Minh Thành	Nam	01/05/1996	C480201	4.00	3.00		7.80
115	15.00379	Lê Ngọc Thành	Nam	30/11/1990	C480201	4.00	3.00		6.10

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Mã huyện	Khu vực	Đối tượng	Điểm TBCN
116	15.00413	Đậu Ngọc Thành	Nam	10/02/1996	C510301	9.00	2.00		6.60
117	15.00341	Nguyễn Đức Thành	Nam	03/05/1994	C510301	10.00	2.00		6.20
118	15.00395	Nguyễn Chí Thiện	Nam	25/03/1995	C510205	13.00	3.00		6.00
119	15.0043	Đỗ Thuận	Nam	10/08/1994	C510205	10.00	2.00		5.50
120	15.00107	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	29/07/1996	C540204	6.00	1.00		6.50
121	15.00407	Ngô Xuân Thượng	Nam	19/02/1988	C510201	9.00	2NT		6.20
122	15.00539	Trần Thị Thủy	Nữ	30/11/1996	C540204	5.00	3.00		6.20
123	15.00505	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	27/11/1997	C540204	4.00	1.00		6.70
124	15.00426	Phùng Chung Thủy	Nữ	20/11/1997	C510205	2.00	3.00		7.00
125	15.00492	Trần Quốc Thuyết	Nam	12/07/1997	C510301	6.00	2NT		7.50
126	15.00445	Trần Văn Tích	Nam	06/08/1995	C480201	10.00	3.00		5.70
127	15.00438	Võ Thị Thủy Tiên	Nữ	04/06/1995	C220201	1.00	1.00		6.60
128	15.00383	Trần Minh Tiến	Nam	12/04/1996	C510205	21.00	2.00		7.20
129	15.00036	Hồ Văn Trinh	Nam	18/07/1992	C220201	4.00	2NT		5.50
130	15.00409	Nguyễn Đăng Trinh	Nam	28/09/1987	C510301	1.00	3.00		5.70
131	15.00434	Nguyễn Trung Trục	Nam	23/12/1996	C510201	7.00	2NT		6.30
132	15.0011	Trần Quốc Trung	Nam	4/2/1997	C510301	3.00	2NT		6.80
133	15.00365	Lý Anh Tú	Nam	08/12/1991	C510205	12.00	3.00		5.80
134	15.00005	Đinh Duy Tuấn	Nam	11/06/1997	C510201	4.00	1.00	1.00	7.00
135	15.00387	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	19/04/1996	C480201	14.00	3.00		7.50
136	15.00389	Mai Thanh Tuấn	Nam	13/11/1995	C510205	13.00	3.00		6.00
137	15.0056	Lê Thanh Tuấn	Nam	23/02/1995	C480201	22.00	2.00		6.20
138	15.00564	Thái Nhật Tùng	Nam	20/05/1997	C510205	1.00	2.00		7.60
139	15.00371	Đặng Văn Tường	Nam	20/01/1996	C510301	5.00	2.00		6.80
140	15.00404	Trần Văn Tuyên	Nam	07/11/1994	C510205	7.00	2.00		6.40
141	15.00105	Võ Nguyễn Việt	Nam	26/02/1996	C510301	11.00	2NT	6.00	6.50
142	15.00457	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Nam	17/10/1997	C510205	6.00	2NT		6.90
143	15.0047	Võ Minh Vương	Nam	05/08/1995	C510205	11.00	2NT		5.60
144	15.00386	Nguyễn Hoài Xuân	Nam	14/01/1992	C510301	8.00	2.00		6.20

Tổng cộng danh sách có: 144 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, 10 ngày 7 năm 2015

TRƯỞNG PHÒNG TS - ĐT - GTVL



Phạm Hữu Lộc

Nguyễn Văn Tân